

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 06/2018/LĐ-PT
Ngày 13 - 11 - 2018
V/v tranh chấp xử lý kỷ luật
lao động theo hình thức sa thải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Châu Việt Thanh

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2018/TLPT-LĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thanh T, sinh năm 1983. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Số KK, đường NM, khu dân cư T, Khóm H, Phường Q, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Ngọc N - Luật sư của Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ - Chi nhánh tại Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần C. Trụ sở: Số MM, đường L, Phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T. Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành T. Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần C (có mặt).

- Do có kháng cáo của: Nguyên đơn bà Phạm Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày:

Vào ngày 10/7/2017 bà T và Công ty Cổ phần C (sau đây viết tắt là Công ty) có ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 24C/HĐ-CTY. Theo nội dung hợp đồng lao động thì bà T làm việc với chức danh là nhân viên ghi thu; công việc (nghĩa vụ) cụ thể trong hợp đồng là:

- Ghi đồng hồ nước: Phải đảm bảo ghi chỉ số đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của Công ty, không được ghi không, ghi sai.

- Thu tiền nước: Phải đảm bảo thu kịp thời số lượng hóa đơn được giao theo quy định; phải nộp đủ số tiền thu được vào ngân hàng vào lúc 15 giờ 30 phút hàng ngày; phải tuân thủ việc kiểm tra hóa đơn định kỳ hay đột xuất của Phòng Kế toán... Ngoài ra, còn một số nghĩa vụ khác theo khoản 2 Điều 3 của hợp đồng lao động.

Trong quá trình làm việc tại Công ty, bà T luôn hoàn thành tốt công việc được giao, không để xảy ra sai phạm làm thiệt hại hay ảnh hưởng đến Công ty. Tuy nhiên, tháng 01/2018 và tháng 02/2018 Công ty chuyển sang hình thức thu tiền nước bằng hóa đơn điện tử, giữa bà T và Công ty không có bất cứ thỏa thuận gì khác về việc thu, nộp tiền nước, tức là vẫn nộp tiền thu được vào lúc 15 giờ 30 phút hàng ngày. Nhưng do chuyển sang hình thức thu mới, có nhiều ngày lễ Tết, thu nhiều tiền lẻ nên bà T nộp tiền về Công ty có phần không đúng theo thời gian quy định của Công ty. Việc chuyển sang hình thức thu tiền nước bằng hóa đơn điện tử, Công ty cũng đã hướng dẫn cách thu đến các nhân viên trong đó có bà T.

Trong tháng 02/2018, tính đến 09 giờ ngày 28/02/2018 bà T thu được tổng cộng 283.994.712 đồng bao gồm thu tại quầy số tiền 5.293.116 đồng (số tiền thu tại quầy không phải nộp vào ngân hàng), nộp về Công ty 168.076.814 đồng, chưa nộp 110.624.782 đồng. Ngày 28/02/2018, Công ty mở cuộc họp theo Biên bản số 15/BB-CTY về việc giải quyết nội dung báo cáo của Phòng Kế toán về việc thu nộp tiền nước tháng 02/2018. Trong biên bản bà T cũng trình bày rõ lý do nộp chậm là chưa cộng tiền xong, vì việc thu này có số lượng tiền lẻ nhiều, cam kết sẽ nộp lại đủ. Sau khi kết thúc cuộc họp vào lúc 10 giờ 50 phút thì bà T đã nộp đủ số tiền chưa nộp trong ngày 28/02/2018.

Sau khi đã nộp đủ số tiền, nhưng đến ngày 13/3/2018 Công ty vẫn tổ chức họp Hội đồng xử lý kỷ luật lao động đối với bà T bằng hình thức sa thải. Đến ngày 15/3/2018 Công ty đã ra Quyết định số 71/QĐ-CTY đối với bà T về việc xử lý kỷ luật người lao động theo hình thức sa thải. Bà T không đồng ý với

quyết định trên vì sai phạm của bà chỉ là chậm nộp tiền chứ không phải là “chiếm dụng tiền của Công ty” theo như Điều 1 của quyết định đã nêu, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Hủy Quyết định xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018;

2. Buộc Công ty Cổ phần C nhận trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số 24C/HĐ-CTY ngày 10/7/2017 đã ký kết;

3. Bồi thường tiền lương trong những ngày không đi làm tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án;

4. Bồi thường tiền do vi phạm thời hạn báo trước số tiền là: $(8.418.982 \text{ đồng}/30 \text{ ngày}) \times 45 \text{ ngày} = 12.628.473 \text{ đồng}$;

5. Bồi thường 02 tháng tiền lương do xử lý kỷ luật sa thải trái quy định pháp luật số tiền: $8.418.982 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 16.837.964 \text{ đồng}$;

6. Thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án.

Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì thêm. Trong trường hợp có căn cứ xác định quyết định xử lý kỷ luật của Công ty là đúng pháp luật, bà T không có bất cứ yêu cầu gì đối với Công ty do các khoản chế độ khi sa thải bà T đã nhận đủ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Lê Thành T - là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần C trình bày:

Công ty Cổ phần C (gọi tắt là Công ty) và bà T có ký kết hợp đồng lao động như bà T trình bày là đúng. Theo quy định của Công ty được ghi rõ trong Hợp đồng lao động số 24C/HĐ-CTY ngày 10/7/2017 là việc nhân viên ghi thu phải nộp đủ số tiền thu được vào ngân hàng vào lúc 15 giờ 30 phút hàng ngày; phải tuân thủ việc kiểm tra hóa đơn định kỳ hay đột xuất của Phòng Kế toán.

Trong tháng 02/2018 bà T bắt đầu thu tiền nước vào ngày 10/02/2018 (thứ bảy) đến ngày 14/02/2018 (ngày 29 Tết) số tiền giữ lại không nộp là 57.791.275 đồng: Theo quy định được nghỉ Tết vào ngày 14/02/2018; thời gian này bà T có 02 lần nộp tiền nhưng không nộp hết số tiền đã thu được; đến ngày 13/02/2018 bà T chiếm dụng tiền của Công ty là 30.544.054 đồng.

Ngày 21/02/2018 bà T thu được 13.846.618 đồng, cộng với số tiền đã giữ lại trước đó là 71.637.893 đồng nhưng chỉ nộp về Công ty 30.000.000 đồng, số tiền bà T đang chiếm dụng là 41.637.893 đồng.

Ngày 22/02/2018 bà T thu được 14.846.619 đồng, cộng với số tiền đã giữ lại trước đó là 56.484.512 đồng nhưng chỉ nộp về Công ty 24.000.000 đồng, số tiền bà T đang chiếm dụng là 32.484.512 đồng.

Ngày 23/02/2018 bà T thu được 11.533.099 đồng, cộng với số tiền đã giữ lại trước đó là 44.017.611 đồng, nhưng không nộp về Công ty.

Ngày 25/02/2018 bà T thu được 19.733.070 đồng, cộng với số tiền đã giữ lại trước đó là 63.750.681 đồng, nhưng không nộp về Công ty.

Ngày 26/02/2018 bà T thu được 40.785.677 đồng, cộng với số tiền đã giữ lại trước đó là 104.536.358 đồng, nhưng chỉ nộp về Công ty 33.500.000 đồng, số tiền bà T đang chiếm dụng là 71.036.358 đồng.

Ngày 27/02/2018 bà T thu được 32.821.036 đồng, cộng với số tiền đã giữ lại trước đó là 103.857.394 đồng, nhưng không nộp về Công ty.

Đến sáng ngày 28/02/2018 bà T thu thêm số tiền 6.767.388 đồng, Công ty kiểm tra thì phát hiện bà T đang chiếm dụng của Công ty số tiền là 110.624.782 đồng.

Thực tế những ngày thu được tiền nước, bà T không nộp đầy đủ, nộp không hết số tiền đã thu được, luôn chiếm dụng lại một khoản tiền. Trong tháng 02/2018, bà T thu tiền nước 12 ngày, nếu như hành vi chậm nộp tiền thì bà T phải nộp đủ 12 lần cho Công ty. Theo quy định phải nộp tiền vào Ngân hàng trước 15 giờ 30 phút mỗi ngày, nếu bà T không nộp kịp thì có thể nộp trễ hơn trong ngày hoặc sáng ngày hôm sau phải nộp, nhưng bà T vẫn không nộp trong nhiều ngày liên tục. Mặt khác, mỗi lần nộp bà T không nộp hết mà giữ lại một ít, dồn đến một số tiền lớn. Vì vậy, không thể đảm bảo số tiền của Nhà nước không bị thất thoát, nếu hành vi không ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Việc bà T không nộp tiền đúng theo hợp đồng lao động như trên là gây thiệt hại nghiêm trọng, đã đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của Công ty do Công ty sẽ không đủ chi phí để hoạt động, không có tiền thanh toán các khoản nợ đến hạn, gây thất thoát tiền của Nhà nước (Công ty cổ phần hơn 98% vốn Nhà nước) thì người đứng đầu Công ty phải chịu trách nhiệm hình sự... và sai phạm của bà T là hành vi “*chiếm dụng tiền*” của Công ty, nên bà T đã vi phạm vào điểm b khoản 3 Điều 29 Nội quy lao động của Công ty.

Vào ngày 30/8/2016, Công ty có ban hành Nội quy lao động (ban hành kèm theo Quyết định số 305 ngày 30/8/2016). Đối với trường hợp bị sai thái, Nội quy lao động của Công ty có đưa vào nội dung là “*chiếm dụng tiền*”, đây là sự cụ thể hóa hơn quy định “*gây thiệt hại nghiêm trọng*” của Bộ luật Lao động, do tính chất riêng của Công ty, việc cụ thể hóa này đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu đồng ý. Việc ban hành Nội quy lao động này của Công ty là đúng theo trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật.

Từ những sai phạm trên của bà T, ngày 28/02/2018 Công ty đã tiến hành họp giải quyết nội dung báo cáo của Phòng Kế toán về việc tình hình thu, nộp tiền nước tháng 02/2018. Đến ngày 13/3/2018 Công ty tiến hành họp Hội đồng

xử lý kỷ luật lao động, tại các cuộc họp bà T đều thừa nhận sai phạm. Hội đồng kỷ luật lao động đã bỏ phiếu biểu quyết để xác định hình thức xử lý kỷ luật đối với bà T, kết quả biểu quyết 4/5 phiếu chọn hình thức xử lý sa thải đối với bà T. Đến ngày 15/3/2018 Công ty đã ban hành Quyết định số 71/QĐ-CTY về việc xử lý kỷ luật người lao động đối với bà T bằng hình thức sa thải.

Nhận thấy việc xử lý kỷ luật bà T với hình thức sa thải là đúng theo quy định của pháp luật, cũng như Nội quy lao động của Công ty nên Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Thảo. Nếu Quyết định số 71/QĐ-CTY về việc xử lý kỷ luật người lao động đối với bà T bằng hình thức sa thải của Công ty là trái với quy định của pháp luật, Công ty đồng ý hủy quyết định nhưng vẫn không đồng ý nhận bà T trở lại làm việc tại Công ty mà chấm dứt hợp đồng lao động với bà T, đồng ý chi trả tất cả các khoản tiền cho bà T theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự;
- Điều 23; Điều 25; Khoản 8 Điều 36; các Điều 119, 120, 122, 123; khoản 1 Điều 125; khoản 1 Điều 126; khoản 2 Điều 200; khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động;
- Điểm a khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thanh T đối với Công ty Cổ phần C về “tranh chấp xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải”.
- Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Phạm Thanh T được miễn nộp án phí; Công ty Cổ phần C không phải chịu án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2018, nguyên đơn bà Phạm Thanh T kháng cáo yêu cầu: Buộc Công ty hủy Quyết định số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018; buộc Công ty nhận bà T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số 24C/HĐ-CTY ngày 10/7/2017; bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật; bồi thường tiền do vi phạm thời gian báo trước với số tiền là: 8.418.982 đồng/30 ngày x 45 ngày = 12.628.473 đồng; bồi thường 02 tháng tiền lương do sa thải trái pháp luật với số tiền là: 8.418.982 đồng/tháng x 02 tháng = 16.837.964 đồng; thanh toán tiền bảo

hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 15/3/2018 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật (tiền lương 06 tháng liền kề trước khi bị kỷ luật sa thải là 8.418.982 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thanh T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thanh T: Việc xử lý hành vi chậm nộp tiền của bà T không phải là “chiếm dụng tiền” như lý do sa thải của Công ty. Quyết định sa thải của Công ty có vi phạm trong quá trình lập biên bản họp Hội đồng xử lý kỷ luật lao động nên đề nghị hủy Quyết định số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018 về xử lý kỷ luật lao động đối với bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thanh T và sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Kiến nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu căn cứ khoản 3 Điều 10 Thông tư số 47/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 ra thông báo đến Công ty Cổ phần C về trường hợp Nội quy lao động có trái với pháp luật, để Công ty sửa đổi, bổ sung Nội quy lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự, Luật sư và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày trong quá trình làm việc tại Công ty, bà T luôn hoàn thành tốt công việc được giao, không để xảy ra sai phạm làm thiệt hại hay ảnh hưởng đến Công ty. Tuy nhiên, tháng 01/2018 và tháng 02/2018 Công ty chuyển sang hình thức thu tiền nước bằng hóa đơn điện tử, giữa bà T và Công ty không có bất cứ thỏa thuận gì khác về việc thu, nộp tiền nước, tức là vẫn nộp tiền thu được vào lúc 15 giờ 30 phút hàng ngày. Bà không chiếm dụng tiền của Công ty, khi bị kiểm tra bà đã nộp toàn bộ số tiền về cho Công ty. Việc Công ty sa thải bà là không đúng quy định, do đó bà yêu cầu

Công ty hủy quyết định sa thải, nhận bà trở lại làm việc và bồi thường các khoản tiền do sa thải trái pháp luật.

[2] Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần C xác định đến 09 giờ sáng ngày 28/02/2018, Công ty kiểm tra đột xuất thì phát hiện bà T đang chiếm dụng của Công ty số tiền là 110.624.782 đồng. Thực tế những ngày thu được tiền nước, bà T không nộp đầy đủ, nộp không hết số tiền đã thu được, luôn chiếm dụng lại một khoản tiền. Hành vi của bà T là hành vi “*chiếm dụng tiền*” của Công ty, nên bà T đã vi phạm vào điểm b khoản 3 Điều 29 Nội quy lao động của Công ty. Do đó, Công ty ban hành Quyết định về việc xử lý kỷ luật người lao động số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018 đối với bà T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do đó, Công ty không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Xét kháng cáo của bà Phạm Thanh T yêu cầu: Hủy Quyết định về việc xử lý kỷ luật người lao động số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm bà T xác định tại cuộc họp bà thừa nhận do có nhiều tiền lẻ nên bà nộp chậm và cam kết nộp lại đủ, sau khi họp xong bà đã nộp đủ toàn bộ số tiền cho Công ty (bút lục 195). Như vậy, sau khi Công ty phát hiện bà đang giữ tiền của Công ty thì bà đã nộp cho Công ty đủ số tiền 110.624.782 đồng. Đồng thời, bà cũng thừa nhận khi Công ty chuyển sang hình thức thu bằng hóa đơn điện tử thì bà cũng được tập huấn việc ghi, thu theo phương thức mới. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy các lý do bà đưa ra cho việc chậm nộp tiền là không có căn cứ chấp nhận. Hành vi trên của bà đã vi phạm khoản 2 Điều 3 Hợp đồng lao động số 24C/HĐ-CTY ngày 10/7/2017 được ký kết giữa bà với Công ty và vi phạm điểm b khoản 3 Điều 29 Nội quy lao động của Công ty.

[4] Bà T không chỉ chậm nộp một lần mà nhiều lần với số tiền chậm nộp lên đến 110.624.782 đồng, nên Công ty Cổ phần C ban hành Quyết định về việc xử lý kỷ luật người lao động số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018 đối với bà Phạm Thanh T theo hình thức sa thải với căn cứ “*chiếm dụng tiền*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Nội quy lao động là phù hợp. Mặt khác, Nội quy lao động của Công ty Cổ phần C đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu đồng ý và thông qua tại Thông báo về việc đăng ký Nội quy lao động số 80/TB-SLĐTBXH ngày 06/9/2016 (bút lục 94).

[5] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu có yêu cầu Tòa án xác minh Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu về hành vi “*chiếm dụng tiền hoặc tài sản*” được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Nội quy lao động của Công ty Cổ phần C có phù hợp với khoản 1 Điều 126 Bộ luật Lao động hay không. Tại Công văn số 1007/SLĐTBXH-TTr ngày 06/11/2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã

hội tỉnh Bạc Liêu xác định “Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động 2012 hướng dẫn xây dựng Nội quy lao động. Tại khoản 5 quy định Nội quy lao động của doanh nghiệp phải cụ thể hóa được “Các hành vi vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất: Danh mục hành vi vi phạm, mức độ quy phạm tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật lao động; mức độ thiệt hại, trách nhiệm bồi thường thiệt hại” nếu có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng thì sa thải theo khoản 1 Điều 126 Bộ luật Lao động. Như vậy, khi Công ty biên soạn Nội quy lao động, tùy theo đặc điểm loại hình sản xuất kinh doanh có quyền đưa ra các danh mục vi phạm để làm căn cứ để xem xét kỷ luật lao động, cũng đồng thời ngăn ngừa người lao động gây thiệt hại cho Công ty. Công ty có quyền quy định chi tiết vào Nội quy lao động, nếu không quy định mà người lao động vi phạm thì không được xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 3 Điều 128 Bộ luật lao động” Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi chiếm dụng tiền quy định trong Nội quy lao động của Công ty là phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động. Hành vi giữ lại số tiền nhiều lần lên đến 110.624.782 đồng của bà T là hành vi chiếm dụng tiền đúng theo lý do sa thải tại Quyết định về việc xử lý kỷ luật người lao động số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018 của Công ty Cổ phần C là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét trình tự, thủ tục Công ty xử lý kỷ luật người lao động: Ngày 13/3/2018 Công ty đã thành lập Hội đồng để xử lý kỷ luật người lao động, thành phần có người bị xử lý kỷ luật, Chủ tịch công đoàn và có lập thành biên bản. Như vậy, Công ty đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 123 Bộ luật lao động và Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động 2012.

[7] Đối với ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thanh T cho rằng cần có bản chính của Biên bản họp Hội đồng xử lý kỷ luật lao động ngày 13/3/2018 để xác định chữ ký gốc của bà T. Tuy nhiên, bà T thừa nhận có tham gia cuộc họp ngày 13/3/2018, nội dung biên bản cũng đúng với diễn biến cuộc họp bà được dự. Do đó, không cần thiết thu bản chính theo yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Mặt khác, Công ty đã sao y bản chính Biên bản họp và giao nộp cho Tòa án, bà T cũng đã được đọc nội dung và không phản đối nội dung này. Đối với vi phạm về việc không có chữ ký của người lập biên bản cuộc họp, như đã phân tích trên, nội dung cuộc họp được bà T xác định đúng nội dung, diễn biến cuộc họp nên không ảnh hưởng đến việc xử lý hành vi vi phạm của bà T đã đảm bảo quy định theo điểm c, d khoản 1 Điều 123 Bộ luật Lao động.

[8] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thanh T: Hủy Quyết định số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018; buộc Công ty nhận bà T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số 24C/HĐ-CTY ngày 10/7/2017; bồi thường tiền lương trong những ngày

không được làm việc tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật; bồi thường 02 tháng tiền lương do sa thải trái pháp luật với số tiền là: 8.418.982 đồng/tháng x 02 tháng = 16.837.964 đồng; thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 15/3/2018 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 15/3/2018 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật; không chấp nhận kháng cáo bồi thường tiền do vi phạm thời gian báo trước với số tiền là: 8.418.982 đồng/30 ngày x 45 ngày = 12.628.473 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã phân tích trên, đủ căn cứ xác định bà T có hành vi vi phạm tại điểm b khoản 3 Điều 29 Nội quy lao động của Công ty và bị xử lý kỷ luật đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định về việc xử lý kỷ luật người lao động số 71/QĐ-CTY ngày 15/3/2018 của Công ty Cổ phần C là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thanh T yêu cầu hủy quyết định này. Do quyết định này là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu kháng cáo còn lại của bà T là yêu cầu Công ty phải bồi thường các khoản tiền do Công ty ra quyết định trái pháp luật.

[10] Án phí lao động phúc thẩm: Bà Phạm Thanh T được miễn nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thanh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 23; Điều 25; Khoản 8 Điều 36; các Điều 119, 120, 122, 123; khoản 1 Điều 125; khoản 1 Điều 126; khoản 2 Điều 200; khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động;

- Điểm a khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thanh T đối với Công ty Cổ phần C về “tranh chấp xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải”.

2. Về án phí:

2.1. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Phạm Thanh T được miễn nộp án phí; Công ty Cổ phần C không phải chịu án phí.

2.2 Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thanh T được miễn nộp án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thành phố B (01 bản);
- CCTHADS thành phố B (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt